

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 17/02/2023

“V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Minh Hương

- Ông Nguyễn Văn Kinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP N (viết tắt là V); địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thiệu Quang Hiệp - Giám đốc Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Theo Giấy ủy quyền số 676/UQ-VCB-PC ngày 18/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP N)

Ông Hiệp ủy quyền tham gia tố tụng cho:

1. Bà Phạm Thu Phương - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Có mặt).

2. Ông Nguyễn Khắc Minh Thọ - Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Theo Giấy ủy quyền số 614/UQ-HKI-KHBL ngày 02/8/2022 của Giám đốc Ngân hàng TMCP N (VCB) - Chi nhánh Hoàn Kiếm.)

(Có mặt).

*** Bị đơn:**

1. Ông Phùng Văn H, sinh năm 1985 (Ông H - có mặt)

2. Bà Phạm Khánh V, sinh năm 1990 (Bà V - vắng mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 5 ngách 7/35 T, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Hiện ở: P2205 - CT6C khu đô thị X, phường K, quận H, Thành phố Hà Nội.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Hải S, sinh năm 1986

2. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1989

3. Cháu Nguyễn Đức T, sinh năm 2013 (Là con anh S, chị L do anh S, chị L là người đại diện)

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 12 ngõ 58 đường L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội; hiện ở: Số 06/16/99 ngõ 354 đường T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

(Anh S, chị L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Phùng Văn H (CCCD số: 036085000130 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/09/2019) và bà Phạm Khánh V (CCCD số: 001190000861 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 28/02/2017) được V Chi nhánh Hoàn Kiếm cấp tín dụng theo Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN ngày 10/03/2021.

Số tiền vay là: 3.800.000.000 VND

Mục đích vay: Thanh toán bù đắp một phần tiền mua nhà tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 58, địa chỉ: Số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, địa chỉ: Số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V. Hợp đồng thế chấp Số công chứng 1208.2021/HĐTC ký ngày 10/03/2021, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 5.531.000.000 đồng.

Khoản vay của khách hàng được giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 17/03/2021, số tiền là: 3.800.000.000 VND, thời hạn cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể trong Giấy nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 11/5/2022, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của khách hàng sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ tại V - Chi nhánh Hoàn Kiếm với tổng dư nợ gốc tại thời điểm quá hạn là 3.594.147.275 VND.

Từ ngày 11/5/2022 khách hàng đã không thanh toán tiền gốc và lãi cho V - Chi nhánh Hoàn Kiếm. V đã nhiều lần làm việc và gửi Công văn thông báo nợ, thông báo xử lý tài sản bảo đảm để yêu cầu ông H, bà V thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với V nhưng ông H, bà V không hợp tác trong việc bán tài sản bảo đảm nêu trên.

Tính đến hết ngày 03/8/2022 (thời điểm Vietcombank thực hiện khởi kiện), ông H, bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là: 3.690.548.490 VND (Ba tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi đồng), bao gồm cả dư nợ gốc, nợ lãi và lãi quá hạn, cụ thể như sau:

- + Nợ gốc: 3.594.147.275 VND.
- + Nợ lãi trong hạn: 95.883.806 VND.
- + Nợ lãi quá hạn: 517.409 VND.

Đến nay, ông H, bà V không còn nguồn trả nợ, do đó V - Chi nhánh Hoàn Kiếm đã nhiều lần làm việc với ông H, bà V về việc bán tài sản để thu hồi nợ vay cho V - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Tuy nhiên, khách hàng không hợp tác trong việc bán tài sản bảo đảm nêu trên.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V - Chi nhánh Hoàn Kiếm toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 07/12/2022 là: 3.820.259.320 đồng (Ba tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi đồng), Trong đó:

- + Nợ gốc: 3.594.147.275 đồng.
- + Lãi vay đến hạn chưa trả: 222.437.178 đồng.
- + Lãi phạt gốc quá hạn: 949.849 đồng.
- + Lãi phạt lãi quá hạn: 2.725.018 đồng.

2. Buộc ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN ngày 10/03/2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Nếu ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1208.2021/HĐTC ngày 10/03/2021 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, cụ thể tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V.

3. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án

dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra V không có yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn - ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V cùng thống nhất trình bày:**

Ngày 10/03/2021 ông H và bà V có ký Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN với Vietcombank - Chi nhánh Hoàn Kiếm, số tiền vay là: 3.800.000.000 VND, mục đích vay: thanh toán bù đắp một phần tiền mua nhà tại thửa đất số 8, tờ bản đồ số 56, địa chỉ: Số 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông H và bà V. Hợp đồng thế chấp Số công chứng 1208.2021/HĐTC ký ngày 10/03/2021, tổng giá trị tài sản bảo đảm là 5.531.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà V đã thanh toán được một khoản nợ gốc và lãi là 560.880.224 đồng, trong đó 205.852.725 đồng tiền gốc và 355.027.499 đồng tiền lãi. Sau đó, ông H và bà V không trả được nợ dẫn đến khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày 07/12/2022 ông H và bà V còn nợ Ngân hàng số tiền là: 3.820.259.320 đồng (Ba tỷ, tám trăm hai mươi triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm hai mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là 3.594.147.275 đồng; lãi vay đến hạn chưa trả 222.437.178 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là 949.849 đồng; lãi phạt lãi quá hạn là 2.725.018 đồng như Ngân hàng trình bày là đúng.

Đến nay do điều kiện kinh tế của ông H và bà V gặp khó khăn nên không thể thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng. Ông H và bà V đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án và xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CS 08350 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông H và bà V.

Ngoài ra, ông H và bà V không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Hải S và chị Nguyễn Thị Thuỳ Linh cùng thống nhất trình bày:**

Diện tích nhà, đất tại địa chỉ (số cũ): E2 tổ 7, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội; (số mới): Số 12 ngõ 58 đường L, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội là nhà của ông Nguyễn Trung T và bà Vũ Thị Kim D (là bố mẹ đẻ) của anh S nên anh S, chị L và con trai là cháu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên.

Đến năm 2020 ông T và bà D đã bán toàn bộ diện tích nhà đất trên cho vợ chồng ông H và bà V. Từ khi ông T và bà D (bố mẹ) anh S bán nhà cho vợ chồng ông H, bà V thì anh S, chị L và cháu Đ đã chuyển đi ở nơi khác tại địa chỉ số 6 hẻm

16 ngách 99 ngõ 354 đường T, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội nhưng vẫn chưa chuyển hộ khẩu đến nơi ở mới.

Nay anh S, chị L được biết nhà đất anh H, chị V mua của bố mẹ anh đã thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền, anh S, chị L không liên quan đến vụ án. Vì vậy, anh S, chị L đề nghị Tòa án không đưa anh S, chị L và cháu T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Nếu Tòa án vẫn đưa anh S, chị L và cháu T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Anh S, chị L đề nghị Tòa án cho anh chị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án kể cả tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án trên.

Tại phiên tòa:

**** Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông H, bà V phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký, số tiền tạm tính đến ngày 16/02/2023 là: 3.904.908.042 đồng (Ba tỷ, chín trăm linh bốn triệu, chín trăm linh tám nghìn, không trăm bốn hai đồng), trong đó: Nợ gốc là: 3.549.147.275 đồng; lãi trong hạn là: 303.911.081 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là: 1.801.947 đồng; lãi phạt lãi quá hạn là: 5.047.739 đồng.

Yêu cầu ông H, bà V tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: CS 08350 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông H, bà V, để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn ông Phùng Văn H trình bày:***

Ông H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày ở trên và xác nhận số tiền nợ gốc, lãi tính tạm tính đến ngày 16/02/2023 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng V là: 3.904.908.042 đồng như nguyên đơn trình bày là đúng.

Do điều kiện kinh tế vợ chồng ông khó khăn nên không thể thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng. Ông H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án và xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ

cấp GCN: CS 08350 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho vợ chồng ông.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn bà V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh S, chị L và cháu T (là con anh S chị L do anh S, chị L là người giám hộ) có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, anh S và chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN ngày 10/03/2021 giữa nguyên đơn V và bị đơn ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh H, chị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký nên Ngân hàng TMCP N (V) đã có đơn khởi kiện yêu cầu anh H, chị V trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn; lãi phạt lãi quá hạn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo nêu trên của Ngân hàng V nhận thấy: Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, thực hiện đúng hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Bằng tài sản hợp pháp của mình, ông H, bà V thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của ông bà, do đó Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Trường hợp ông H, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V. Trường hợp không đủ, ông H, bà V tiếp tục có trách nhiệm trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng V tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho V thì V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự nên không xét.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền: Tại Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng V và bị đơn ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V có thoả thuận về cơ quan giải quyết tranh chấp như sau: “ Để thực hiện quy định tại Điều 5.11 các điều khoản chung, các bên nhất trí lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền tại nơi Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Hoàn Kiếm đặt trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện”. Ngân hàng V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có địa chỉ tại 23 P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) khởi kiện ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V yêu cầu Tòa án tuyên ông H, bà V phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng V với ông H, bà V. Số tiền tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng Vietcombank và ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V ký Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN ngày 10/03/2021. Tại các Khế ước nhận nợ kèm theo, các bên thỏa thuận về ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/03/2041. Quá trình thực hiện Hợp đồng, do ông H, bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 04/8/2022 Ngân hàng Vietcombank nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

1.4. Về thủ tục tố tụng: Việc xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Khánh V và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hải S, chị Nguyễn Thị Thùy L và cháu Nguyễn Đức T (cháu T là con anh S chị L, do anh S chị L là người giám hộ). Quá trình giải quyết vụ án bà V, anh S, chị L đều đã có lời khai tại Tòa án. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 8h30 ngày 17/02/2023 và đã tổng đạt hợp lệ cho bà V, anh S và chị L. Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S và chị L có lời khai xin được vắng mặt tại phiên. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, anh S và chị L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V phải thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng và Khế ước nhận nợ:

Ngày 10/03/2021 Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) do ông Nguyễn Tuấn Nam, Phó Giám đốc V - Chi nhánh Hoàn Kiếm là đại diện và ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V ký Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN, số tiền Ngân hàng giải ngân cho ông H, bà V vay tối đa là 3.800.000.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm triệu đồng); mục đích cho vay: bù đắp tiền mua nhà ở, mua đất ở. Lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất cho vay quá hạn được thể hiện cụ thể theo Khế ước nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều công nhận việc ký kết Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ là tự nguyện, phù hợp với quy định của

pháp luật, đúng chủ thể tham gia ký kết Hợp đồng nên Hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng trên, ngày 17/03/2021 Ngân hàng V đã giải ngân cho ông H, bà V số tiền là 3.800.000.000 đồng (ba tỷ, tám trăm triệu đồng) theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 17/03/2021. Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V đã thanh toán được một khoản nợ gốc và lãi là 560.880.224 đồng, trong đó tiền gốc là 205.852.725 đồng và tiền lãi là 355.027.499 đồng. Sau đó, ông H, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 11/5/2022 khoản nợ của ông H, bà V bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng V đã gửi nhiều Thông báo, Công văn yêu cầu ông H, bà V trả nợ, hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định, nhưng ông H, bà V không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện ông H, bà V đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng là 3.904.908.042 đồng (ba tỷ, chín trăm linh bốn triệu, chín trăm linh tám nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông H xác nhận về số tiền nợ mà Ngân hàng V trình bày là đúng. Đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân, số tiền ông H, bà V đã trả, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Ngân hàng V yêu cầu ông H, bà V phải trả số tiền nợ lãi trong hạn; lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn.

Xét, Khế ước nhận nợ số 01 ngày 17/03/2021, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định giai đoạn 1 áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 7.29%/năm; giai đoạn 2 áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sàn cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó.

Đối với khoản lãi phạt trên nợ gốc thực tế chính là khoản lãi chậm trả trên nợ gốc đã được các bên quy định trong Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản phạt trên nợ lãi quá hạn, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tính lãi đối với các Hợp đồng tín dụng xác lập sau ngày 01/01/2017. Theo đó, trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì phải chịu lãi chậm trả nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng giữa Ngân hàng V và ông H, bà V ký kết ngày 10/03/2021 thuộc trường hợp được áp dụng quy định về cách tính lãi suất như trên. Mức lãi suất Ngân hàng V áp dụng đối với lãi chậm trả là 5%/năm là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 về lãi suất giới hạn. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác nhận tổng số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận lãi suất của các bên tại Hợp đồng, Khế ước nhận nợ và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của Ngân hàng thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc lãi.

Vì vậy, Ngân hàng V yêu cầu ông H, bà V thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi phạt gốc quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xác định tính đến ngày 16/02/2023 ông H, bà V còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ lãi trong hạn là 303.911.081 đồng; lãi phạt gốc quá hạn là 1.801.947 đồng và lãi phạt lãi quá hạn là 5.047.739 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn ông H, bà V tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/02/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi khoản nợ của nguyên đơn: Khoản vốn vay của ông Phùng Văn H, bà Phạm Khánh V tại Ngân hàng V được thế chấp bằng một tài sản đảm bảo cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V.

Trường hợp ông H và bà V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng trên, ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 1208.2021/HĐTC ký ngày 10/03/2021. Tài sản thế chấp trên đã đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm ngày 15/03/2021, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V.

Xét, Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung thế chấp được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Cơ quan có thẩm quyền, do đó Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên.

Tại Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quy định: “Nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm tất cả các khoản nợ và nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà khách hàng (đồng thời là bên thế chấp) phải trả cho Ngân hàng khi đến hạn thanh toán”.

Như vậy, ông H, bà V tự nguyện thỏa thuận với Ngân hàng V về việc dùng toàn bộ tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông H, bà V. Việc ông H, bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán là cơ sở để Ngân hàng V có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Do tài sản đã hình thành và được bàn giao cho ông H, bà V nên theo thỏa thuận tại các điều khoản trên và theo quy định tại Điều 223; Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2015: “Người được giao tài sản thông qua Hợp đồng mua bán, tặng cho, trao đổi, cho vay hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác theo quy định của pháp luật thì có quyền sở hữu tài sản đó”; “Nhận chính tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm”, yêu cầu của Ngân hàng V về việc được kê biên, phát mại tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58 - số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V để thu hồi toàn bộ số tiền nợ khi ông H bà V vi phạm nghĩa vụ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng V tuyên nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V thông qua V - Chi nhánh Hoàn Kiếm có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nhận thấy, đây là giai đoạn thi hành án dân sự, không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông H, bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn Ngân hàng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 223; Điều 305; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 280; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/HĐTP-TANDTC ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc tính lãi đối với các Hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/01/2017;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 của Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1.2, điểm e khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) đối với bị đơn ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V.

2. Buộc ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 34/2021/KHBL-MN ngày 10/03/2021 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 17/03/2021, tạm tính đến ngày 16/02/2023 là: **3.904.908.042 đồng (Ba tỷ, chín trăm linh bốn triệu, chín trăm linh tám nghìn, không trăm bốn hai đồng)**, trong đó:

+ Dư nợ gốc là: 3.549.147.275 đồng.

+ Lãi trong hạn là: 303.911.081 đồng.

+ Lãi phạt gốc quá hạn là: 1.801.947 đồng.

+ Lãi phạt lãi quá hạn là: 5.047.739 đồng.

3. Ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V tiếp tục phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/02/2023 cho đến khi ông H, bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

4. Trường hợp bị đơn ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V), Ngân hàng thương mại cổ phần N (V) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ: Thửa đất số 8, tờ bản đồ số: 58, số nhà 12 ngõ 58 đường L, tổ 7A, phường T, quận Đ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: DA 338781, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CS 08350 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/02/2021 cho ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V, để thu hồi toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

5. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần N (V).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phùng Văn H và bà Phạm Khánh V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 110.098.000 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (V) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.905.000 đồng (Năm mươi hai triệu, chín trăm linh năm nghìn đồng) - theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2020/0051888 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

7. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông Nguyễn Khắc Minh Thọ và bà Phạm Thu Phương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N (V) và bị đơn ông Phùng Văn H. Vắng mặt bị đơn bà Phạm Khánh V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Hải S và chị Nguyễn Thị Thùy L. Tòa án báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàn Kiếm;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội
- THADS Q. Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền Hoà

